

Số: 66/2026/TGG/CBTT

TP.HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP The Golden Group thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2026 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ: Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: Fax:
- Email: info@thegoldengroup.vn Website: <https://thegoldengroup.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên 2026 đã được soát xét
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 21/08/2026 tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/bao-cao-tai-chinh.htm/>

Tài liệu đính kèm:
BCTC bán niên 2026
VB giải trình

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THE
GOLDEN
GROUP

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN THE GOLDEN GROUP
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN THE GOLDEN
GROUP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:0105787835
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2026.08.21 14:07:01+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Kim Nguyễn



Số: 67/2026/TGG/CBTT

TP.HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: Fax:
- Email: info@thegoldengroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

2.1 Công bố thông tin giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính đã được soát xét bán niên 2026 của Công ty Cổ phần The Golden Group

Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính tự lập 6 tháng đầu năm 2026	Báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2026	Chênh lệch	% thay đổi
LNST tại báo cáo riêng	1.980.273.491	156.320.714	(1.823.952.777)	-92%
LNST tại báo cáo hợp nhất	2.224.905.938	349.987.897	(1.874.918.041)	-84%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước, chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính đã được soát xét bán niên 2026	Báo cáo tài chính đã được soát xét bán niên 2025	Chênh lệch	% thay đổi

LNST tại báo cáo riêng	156.320.714	(2.174.600.007)	2.330.920.721	-107%
LNST tại báo cáo hợp nhất	349.987.897	(4.517.662.691)	4.867.650.588	-108%

Nguyên nhân:

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, LNST theo Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được soát xét thấp hơn so với Báo cáo tài chính tự lập, chủ yếu do Công ty bổ sung trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi.
- LNST tại Báo cáo tài chính riêng bán niên 2026 đã được soát xét ghi nhận lợi nhuận, trong khi cùng kỳ năm 2025 ghi nhận khoản lỗ. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty hoàn nhập khoản dự phòng đã trích lập đối với khoản đầu tư góp vốn vào các công ty con, do tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của các công ty con được cải thiện và đạt hiệu quả tốt hơn.
- LNST tại Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2026 đã được soát xét ghi nhận lợi nhuận, trong khi cùng kỳ năm 2025 ghi nhận khoản lỗ. Nguyên nhân chủ yếu do tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu tăng.

2.2 Giải trình ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2026

2.2.1. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các khoản công nợ chưa thu thập được đầy đủ giấy xác nhận

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Kiểm toán chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận của các đối tượng thuộc một số khoản mục trên Bảng Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026 và 31/12/2025 lý do các đối tượng có công nợ quá lâu và thông tin liên lạc không còn chính xác để liên hệ. Và công ty chúng tôi đã cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan đến các khoản mục thay thế cho thư xác nhận nhưng vẫn chưa đem lại đủ cơ sở cho kiểm toán để đánh giá các khoản mục này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2026 của Công ty.

2.2.2 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến chưa thu thập được BCTC kiểm toán của đơn vị mà Công ty đã góp vốn và ảnh hưởng của ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại công ty liên kết

Trước đây Công ty con của TGG là Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC có góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần XNK Louis Rice với số tiền là 9,795 tỷ đồng, Công ty đã cố gắng liên hệ để được cung cấp Báo cáo tài chính tuy nhiên đến thời điểm hiện tại phía Công ty Louis Rice vẫn chưa cung cấp, Công ty đang xem xét để tiến hành các thủ tục nhằm thu hồi lại khoản đầu tư này.

2.2.3 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến chỉ tiêu Hàng tồn kho

Hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC: hàng tồn kho là các máy móc thiết bị được lưu giữ hộ tại kho của Công ty Cổ phần Louis Holdings, do trong giai đoạn 2022 kho này được Công ty Louis Holdings bàn giao cho bên ngân hàng tiếp quản, nên đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa thể tiến hành việc kiểm đếm và đánh giá lại hàng tồn kho này. Và hệ thống MMTB được Công ty cho Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (LDP) thuê, do trước đây hai đơn vị là các bên có liên quan cùng tập đoàn và cùng lãnh đạo chủ chốt, do đó việc danh sách MMTB cho thuê theo Hợp đồng và MMTB thực tế có sự khác nhau (trên thực tế Hợp đồng chỉ thể hiện các MMTB then chốt) thực tế bàn giao là một hệ thống bao gồm các MMTB then chốt và các MMTB phụ trợ). Đến thời điểm hiện tại, hai bên đã thống nhất lại danh sách MMTB cho thuê.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/08/2026, tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/bao-cao-tai-chinh.htm/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *af*

[Signature]
Vũ Kim Nguyên


THE GOLDEN GROUP
N 7835



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THE GOLDEN GROUP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 – 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 – 44



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần The Golden Group và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần The Golden Group ("Công ty Mẹ") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2012 và thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 08 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty Mẹ tại thời điểm 30/06/2026 và 01/01/2026 là 272.999.900.000 VND tương đương với 27.299.990 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty Mẹ được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TGG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 05 năm 2018.

Theo Thông báo số 3228/TB-SGDHN ngày 23/07/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty Mẹ hiện đang trong trạng thái cảnh báo theo Quyết định số 984/QĐ-SGDHN ngày 23/07/2026 và bị đình chỉ giao dịch theo Quyết định số 1333/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2023.

Trước đó, theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty Mẹ bắt đầu giao dịch trên thị trường UPCoM - sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Việc đăng ký giao dịch trên UPCoM được thực hiện sau khi cổ phiếu của Công ty Mẹ bị hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 796/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2023, với ngày giao dịch cuối cùng trên HOSE là ngày 18/12/2023.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty Mẹ là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty Mẹ được đặt tại Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Ngô Quang Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 18/07/2025
Ông Lý Thanh Nhã	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/07/2025
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/07/2025
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 18/07/2025
Ông Từ Hoàng Anh Tuấn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17/07/2026
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 17/07/2026

Ủy ban Kiểm toán

Họ tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/07/2025
Ông Từ Hoàng Anh Tuấn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 17/07/2026
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/07/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Lý Thanh Nhã	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/04/2023
Ông Võ Kim Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/04/2023

Kế toán trưởng của Công ty Mẹ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho đến ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Thanh Loan.

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Mẹ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Lý Thanh Nhã	Việt Nam	Tổng Giám đốc

Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 26/03/2026 của người đại diện theo pháp luật Công ty Mẹ, Ông Võ Kim Nguyên - Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm phê duyệt và ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Công bố báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



VÕ KIM NGUYỄN
Phó Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền
Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 153/2026/BCSXHN-HCM.01499

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần The Golden Group

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần The Golden Group và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 21 tháng 08 năm 2026, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

1. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận của một số khoản mục trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2026 và ngày 31/12/2025. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá các khoản mục này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 của Tập đoàn. Cụ thể bao gồm các khoản mục sau:

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cơ sở của kết luận ngoại trừ (tiếp theo)

Khoản mục	Mã số	Tại 30/06/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	65.000.000	65.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.619.902.321	3.619.902.321
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.285.653.003	1.285.653.003
Phải thu ngắn hạn khác	135	45.726.000.000	45.600.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	9.795.414.653	9.795.414.653
Phải trả người bán ngắn hạn	311	53.880.000	53.880.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	150.000.000	150.000.000

- Như đã trình bày tại mục 5.2.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) đã đầu tư góp vốn dài hạn vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice ("Louis Rice") với giá trị tại ngày 30/06/2026 là 9.795.414.653 VND (ngày 31/12/2025: 9.795.414.653 VND).

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tập đoàn chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 của Louis Rice để có cơ sở đánh giá việc trích lập dự phòng khoản đầu tư này tại ngày 30/06/2026 là 9.795.414.653 VND (tại ngày 31/12/2025 là 9.795.414.653 VND). Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến giá trị dự phòng cần phải điều chỉnh (nếu có) của khoản đầu tư trên tại ngày 30/06/2026, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

- Như đã trình bày tại mục 5.7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30/06/2026, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) không thể thực hiện kiểm kê hàng tồn kho do Công ty Cổ phần Louis Holdings đã giữ hộ với giá trị là 12.272.727.273 VND. Chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận về giá trị hàng tồn kho đang được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Louis Holdings tại ngày 30/06/2026. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng thích hợp. Với những tài liệu hiện có của Tập đoàn, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính hiện hữu, giá trị, đánh giá, quyền và nghĩa vụ của số dư hàng tồn kho như đã nêu trên của Tập đoàn tại ngày 30/06/2026; cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ định kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến nội dung sau:

Như đã trình bày tại điểm (a) của mục 1.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30/06/2026, theo nội dung Công văn số 09/2025/TGG/TGD-CV ngày 18 tháng 03 năm 2025 do Tổng Giám đốc Công ty Mẹ gửi đến Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang – là thành viên góp vốn trong Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con), Công ty Mẹ đã đánh giá lại việc góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang vào Công ty TNHH Angimex Furious. Căn cứ theo kết quả rà soát và đánh giá nội bộ, Công ty Mẹ nhận thấy cơ sở định giá tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang không phù hợp. Trên cơ sở đó, Công ty Mẹ không công nhận giá trị phần vốn góp này tại Công ty TNHH Angimex Furious. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ trong Công ty TNHH Angimex Furious có thể thay đổi, tùy thuộc vào kết quả xử lý cuối cùng liên quan đến việc xác định lại giá trị vốn góp.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1
Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2026

LÊ HUỖNH BẢO
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2026-009-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.598.159.081	124.401.009.318
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.896.224.756	18.028.203.982
1. Tiền	111		4.896.224.756	6.028.203.982
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	12.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.347.085.936	22.838.082.809
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2	19.778.954.538	23.143.671.849
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	5.6	(431.868.602)	(305.589.040)
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.979.536.008	24.112.783.521
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	13.594.377.669	13.876.298.286
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	11.433.864.240	7.651.724.317
3. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	55.454.932.355	54.103.786.077
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(53.503.638.256)	(51.519.025.159)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	50.837.698.281	53.258.776.465
1. Hàng tồn kho	141		53.625.767.543	55.798.160.202
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(2.788.069.262)	(2.539.383.737)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		6.537.614.100	6.163.162.541
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8	1.023.522.906	685.611.753
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		2.501.930.093	2.542.552.677
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.16	3.012.161.101	2.934.998.111
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		150.768.358.499	143.128.275.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		786.000.000	1.202.818.160
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	786.000.000	1.202.818.160
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		82.461.072.049	85.346.614.118
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	20.496.912.041	22.330.856.094
- Nguyên giá	222		45.512.488.469	44.671.991.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.015.576.428)	(22.341.135.580)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	1.550.079.183	2.583.465.321
- Nguyên giá	225		10.333.861.356	10.333.861.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.783.782.173)	(7.750.396.035)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	60.414.080.825	60.432.292.703
- Nguyên giá	228		61.052.843.193	61.052.843.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(638.762.368)	(620.550.490)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		268.000.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.12	268.000.000	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	40.974.031.734	28.992.309.815
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		28.974.031.734	28.992.309.815
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		9.795.414.653	9.795.414.653
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(9.795.414.653)	(9.795.414.653)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		12.000.000.000	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		26.279.254.716	27.586.533.896
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	11.222.627.555	11.348.625.711
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279	5.13	15.056.627.161	16.237.908.185
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		259.366.517.580	267.529.285.307

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		91.585.527.959	100.098.283.583
I. Nợ ngắn hạn	310		74.981.431.886	82.443.196.750
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	4.282.992.665	6.125.007.857
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	20.000.000	372.041.320
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.16	13.846.666	241.643.379
5. Phải trả người lao động	315		1.406.068.419	2.016.394.356
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.17	741.582.192	548.101.733
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	5.18	310.866.848	375.883.080
9. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.19	1.462.310.520	1.570.360.239
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.20	65.412.717.848	69.862.718.058
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.21	1.331.046.728	1.331.046.728
13. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		16.604.096.073	17.655.086.833
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337	5.18	-	59.016.218
6. Phải trả dài hạn khác	338	5.19	432.900.000	402.900.000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.20	-	349.999.810
8. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	5.22	16.171.196.073	16.843.170.805
11. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
NGUỒN VỐN				
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.23	167.780.989.621	167.431.001.724
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(157.430.357.432)	(155.723.532.201)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		(155.723.532.201)	(146.916.614.728)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		(1.706.825.231)	(8.806.917.473)
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		49.322.353.598	47.265.540.470
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		259.366.517.580	267.529.285.307



TRẦN THỊ THANH LOAN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



VÔ KIM NGUYỄN
Phó Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền
Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		177.095.629.608	211.047.815.855
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.382.120	150.918.834
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	177.094.247.488	210.896.897.021
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	148.563.456.129	191.875.519.088
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		28.530.791.359	19.021.377.933
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	1.081.810.275	720.698.974
8. Chi phí tài chính	23	6.4	2.620.283.088	2.768.788.836
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		2.494.003.526	2.768.788.836
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	16.446.147.615	14.287.099.535
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	11.435.567.668	9.442.513.133
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		(18.278.081)	136.299.656
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + (22 - 23) - (25 + 26) + 27)	30		(907.674.818)	(6.620.024.941)
13. Thu nhập khác	31	6.7	645.228.073	2.414.206.499
14. Chi phí khác	32	6.8	59.540.090	66.651.340
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		585.687.983	2.347.555.159
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(321.986.835)	(4.272.469.782)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	-	-
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.16	(671.974.732)	245.192.909
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		349.987.897	(4.517.662.691)
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(1.706.825.231)	(3.709.352.091)
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.056.813.128	(808.310.600)
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(63)	(136)


TRẦN THỊ THANH LOAN
 Người lập biểu/ Kế toán trưởng




VÕ KIM NGUYỄN
 Phó Tổng Giám đốc
 Người được ủy quyền
 Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(321.986.835)	(4.272.469.782)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	4.064.861.568	4.234.799.449
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	2.359.578.184	251.999.594
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(706.491.098)	(2.409.048.443)
- Chi phí đi vay	06	2.494.003.526	2.768.788.836
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.889.965.345	574.069.654
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(3.286.589.921)	6.944.522.339
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	2.172.392.659	2.609.838.676
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(3.039.198.681)	1.096.995.511
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(203.046.330)	(866.919.294)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	(2.495.585.717)	(2.615.018.589)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.037.937.355	7.743.488.297
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.456.186.166)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.249.756.763)	(241.289.006)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.700.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	636.026.368	321.386.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.369.916.561)	80.097.003
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	125.658.584.012	158.753.227.752
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(129.758.584.012)	(161.895.525.562)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(700.000.020)	(700.000.020)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.800.000.020)	(3.842.297.830)

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(13.131.979.226)	3.981.287.470
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	18.028.203.982	6.421.646.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.896.224.756	10.402.934.408



TRẦN THỊ THANH LOAN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



VŨ KIM NGUYỄN
Phó Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền
Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần The Golden Group ("Công ty Mẹ") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2012 và thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 08 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty Mẹ tại thời điểm 30/06/2026 và 01/01/2026 là 272.999.900.000 VND tương đương với 27.299.990 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty Mẹ được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TGG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 05 năm 2018.

Theo Thông báo số 3228/TB-SGDHN ngày 23/07/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty Mẹ hiện đang trong trạng thái cảnh báo theo Quyết định số 984/QĐ-SGDHN ngày 23/07/2026 và bị đình chỉ giao dịch theo Quyết định số 1333/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2023.

Trước đó, theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty Mẹ bắt đầu giao dịch trên thị trường UPCoM - sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Việc đăng ký giao dịch trên UPCoM được thực hiện sau khi cổ phiếu của Công ty Mẹ bị hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 796/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2023, với ngày giao dịch cuối cùng trên HOSE là ngày 18/12/2023.

Trụ sở hoạt động của Công ty Mẹ được đặt tại Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn (gồm công ty Mẹ và các công ty con) là thương mại, tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Mẹ là: Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính).

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty Mẹ là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn trong vòng 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty Mẹ, 3 công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Công ty Mẹ có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Golden Group	Tầng 3, số 402 - 404 đường Tùng Thiện Vương, Phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần The Golden Group	Tiểu khu 48, Xã Hiền Lương, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Louis Capital – Trang trại Hòa Bình	Xóm Phương Viên, Xã Cao Dương, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
4	Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần The Golden Group	Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty con

Tại ngày 30/06/2026, Công ty Mẹ có 3 công ty con được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC	269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động mua bán nợ; Tư vấn mua bán nợ; Môi giới mua bán nợ	79,82%	79,82%
Công ty TNHH Angimex Furious (a)	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Mua bán mô tô, xe máy	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Một thành viên Kho vận Wings Global (b)	Số 7-9, đường số 7, Khu đô thị Sala, Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	100,00%	100,00%

- (a) Theo nội dung Công văn số 09/2025/TGG/TGD-CV ngày 18 tháng 03 năm 2025 do Tổng Giám đốc Công ty Mẹ gửi đến Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang – là thành viên góp vốn trong Công ty TNHH Angimex Furious, Công ty Mẹ đã đánh giá lại việc góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang vào Công ty TNHH Angimex Furious. Căn cứ theo kết quả rà soát và đánh giá nội bộ, Công ty Mẹ nhận thấy việc định giá tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang không phù hợp. Trên cơ sở đó, Công ty Mẹ không công nhận giá trị phần vốn góp này tại Công ty TNHH Angimex Furious. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ trong Công ty TNHH Angimex Furious có thể thay đổi, tùy thuộc vào kết quả xử lý cuối cùng liên quan đến việc xác định lại giá trị vốn góp.

- (b) Ngày 26/05/2025, Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global đã ra quyết định giải thể số 05/QĐ-CSH và Thông báo số 05/TB-WG.25 gửi cho Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hồ Chí Minh về việc giải thể doanh nghiệp. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global vẫn đang tiến hành hoàn tất thủ tục giải thể.

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	35,65%	35,65%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ này, Tập đoàn lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99"), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 43") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan đã được tái phân loại và/hoặc đổi tên theo quy định mới nhằm đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh giữa các kỳ. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2025 Số liệu đã phát hành VND	01/01/2026 Số liệu trình bày lại VND	Thay đổi thuần VND
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	17.885.434.916	23.143.671.849	5.258.236.933
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	-	(305.589.040)	(305.589.040)
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		4.425.000.000	-	(4.425.000.000)
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	54.937.023.010	54.103.786.077	(833.236.933)
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	(51.824.614.199)	(51.519.025.159)	305.589.040

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng số nhân viên của Công ty Mẹ là 4 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 4 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 sửa đổi, bổ sung Thông tư 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, Thông tư 202, Thông tư 43 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được tính theo từng lần phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà Công ty Mẹ đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 42 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính hợp nhất và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 30
Máy móc, thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	02 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06

4.8 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	5

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 13 năm đến 50 năm; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Tập đoàn không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.13 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty Mẹ.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty Mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.17 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tập đoàn chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Golden Paddy	Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần HB Pharma	Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Việt Nam	Cổ đông lớn của Công ty con
Công ty Cổ phần Pomax	Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt trong tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP	Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt trong tập đoàn
Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay là: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice)	Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn và Công ty nhận đầu tư
Công ty Cổ phần Hòa Bình	Việt Nam	Công ty có liên quan đến thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam	Công ty có liên quan đến thành viên chủ chốt
Bà Nguyễn Thị Út Nga	Việt Nam	Giám đốc Công ty con
Ông Bùi Việt Dũng	Việt Nam	Giám đốc Công ty con
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Việt Nam	Thành viên chủ chốt của Công ty liên kết
Ông Nguyễn Kiên Giang	Việt Nam	Thành viên chủ chốt của Công ty con
Ông Vũ Minh Hoàng	Việt Nam	Thành viên chủ chốt của Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Việt Nam	Tổng Giám đốc Công ty liên kết
Ông Vũ Anh Sinh	Việt Nam	Người đứng đầu chi nhánh
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt - VND	519.399.762	535.581.857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND		
+ Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh An Giang	3.327.702.541	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	104.240.230	4.781.809.180
+ Các ngân hàng khác	944.882.223	710.812.945
Các khoản tương đương tiền	-	12.000.000.000
	4.896.224.756	18.028.203.982

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Ngắn hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn (*)						
Tiền gửi có kỳ hạn	18.135.191.679	18.135.191.679	-	17.885.434.916	17.885.434.916	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	231.243.405	231.243.405	-	243.898.372	243.898.372	-
Cho vay (**)						
Cho vay ngắn hạn – Bên liên quan	1.347.519.454	980.650.852	(366.868.602)	4.949.338.561	-	(305.589.040)
Cho vay ngắn hạn – Tổ chức khác	65.000.000	-	(65.000.000)	65.000.000	65.000.000	-
Dài hạn (**)						
Cho vay dài hạn – Bên liên quan	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-	-
	31.778.954.538	31.347.085.936	(431.868.602)	23.143.671.849	22.838.082.809	(305.589.040)

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 6 tháng đến 1 năm tại ngân hàng thương mại có lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,5%/năm.

Số dư tiền gửi ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (xem thuyết minh số 5.20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

(**) Chi tiết số dư Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Cho vay như sau:

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cho vay				
Cho vay bên liên quan – ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (a)	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần HB Pharma (b)	160.000.000	-	160.000.000	-
Công ty Cổ phần Pomax	-	-	3.700.000.000	-
Lãi dự cho về cho vay bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	33.657.535	-	11.342.466	-
Công ty Cổ phần HB Pharma	563.861.919	(366.868.602)	556.721.095	(305.589.040)
Công ty Cổ phần Pomax	90.000.000	-	21.275.000	-
Cho vay ngắn hạn – Đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Louis Holdings (c)	65.000.000	(65.000.000)	65.000.000	-
Cho vay bên liên quan – dài hạn				
Công ty Cổ phần Pomax (d)	12.000.000.000	-	-	-
	13.412.519.454	(431.868.602)	5.014.338.561	(305.589.040)

- (a) Đây là khoản tiền Công ty Mẹ cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư vay theo Hợp đồng vay vốn số 611/2024/HĐVV-TGG-CIC ngày 06 tháng 11 năm 2024 để phục vụ hoạt động kinh doanh của bên vay. Số tiền cho vay là 600.000.000 VND. Thời hạn cho vay 12 tháng. Lãi suất cho vay là 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

Theo Nghị quyết số 01/2026/TGG/HĐQT-NQ ngày 26/01/2026 của Công ty Mẹ và Văn bản số 03/XĐTVĐT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư về việc đề nghị được gia hạn hợp đồng vay vốn, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2025 đối với hợp đồng cho vay số 611/2024/HĐVV-TGG-CIC ngày 06 tháng 11 năm 2024.

- (b) Đây là khoản tiền Công ty Mẹ cho Công ty Cổ phần HB Pharma vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay vốn số 3107/TGG-CIC/HĐVV-2025 ngày 31 tháng 07 năm 2025. Thời hạn cho vay là 12 tháng và lãi suất cho vay là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty Mẹ chưa ký hợp đồng gia hạn mới.
- (c) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) cho Công ty Cổ phần Louis Holdings vay theo hợp đồng mượn tiền số 02122022/VAS-AMC-HĐMT ngày 02 tháng 12 năm 2022. Lãi suất cho vay 0%/năm, thời hạn cho vay 2 tháng kể từ ngày giải ngân. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty con chưa ký hợp đồng gia hạn mới.
- (d) Đây là khoản Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con) cho Công ty Cổ phần Pomax vay tín chấp, lãi suất 9%/năm, thời hạn cho vay 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (*)	23.532.000.000	28.974.031.734	23.532.000.000	28.992.309.815
	23.532.000.000	28.974.031.734	23.532.000.000	28.992.309.815

- (*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (gọi tắt là "CIC") theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trong năm 2023, 2024, 2025 với các cổ đông cá nhân về việc chuyển nhượng toàn bộ và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tại CIC cho Công ty Mẹ với số lượng cổ phần là 2.353.200 cổ phần, tương đương tỷ lệ sở hữu là 35,65% và tỷ lệ biểu quyết là 35,65%.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tập đoàn đã đánh giá tình hình tài chính và khả năng thu hồi khoản đầu tư của Tập đoàn vào CIC dựa trên Báo cáo tài chính chưa được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 của CIC với giá gốc là 23.532.000.000 VND.

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice (a)	9.795.414.653	(9.795.414.653)	(*)	9.795.414.653	(9.795.414.653)	(*)
	9.795.414.653	(9.795.414.653)		9.795.414.653	(9.795.414.653)	

- (a) Đây là khoản đầu tư mà Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã nhận chuyển nhượng phần góp vốn của Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice) từ Công ty Cổ phần Louis Holdings với giá trị phần góp vốn là 7.193.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 10%. Công ty con này chưa đánh giá dự phòng tổn thất đầu tư tại ngày 30/06/2026 do chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30/06/2026 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315924647 cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2019 và thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 04 năm 2022. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice là 71.930.000.000 VND.

- (*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và ngày 01 tháng 01 năm 2026, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính, do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý và sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	296.315.467	(296.315.467)	296.315.467	(296.315.467)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	782.832.255	(782.832.255)	782.832.255	(782.832.255)
Ông Nguyễn Xuân Hòa (*)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu khách hàng khác				
Khoản nợ khó đòi mua từ Công ty Cổ phần Sametel	2.042.852.987	(2.042.852.987)	2.042.852.987	(2.042.852.987)
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	283.200.000	-	283.200.000	-
Công ty TNHH Lương thực Angimex (nay là: Công ty Cổ phần Lương thực Angimex)	113.898.960	(113.898.960)	113.898.960	(113.898.960)
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	278.228.739	(278.228.739)	278.228.739	(278.228.739)
Các khách hàng khác	1.797.049.261	(1.283.356.845)	2.078.969.878	(1.186.243.748)
	13.594.377.669	(4.797.485.253)	13.876.298.286	(4.700.372.156)

(*) Đây là số tiền gốc còn lại phải thu liên quan đến việc Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) bán bất động sản đầu tư là giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh cho Ông Nguyễn Xuân Hòa trong năm 2024. Công ty con cho Ông Nguyễn Xuân Hòa trả chậm số tiền 8.000.000.000 VND với lãi suất 9%/năm trong 6 tháng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2026 theo Biên bản thỏa thuận gia hạn thời gian thanh toán số 0102/2026/AMC-NXH ngày 01 tháng 02 năm 2026.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Trả trước cho người bán – bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	1.500.000.000	-
Trả trước cho người bán - các tổ chức khác		
Công ty Honda Việt Nam	8.599.174.039	6.225.131.314
Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao Công nghệ Hà Nội	550.000.001	550.000.001
Chi nhánh Công ty ACC Xi nghiệp Tư vấn Thiết kế và Xây dựng ACC	430.000.000	430.000.000
Các người bán khác	354.690.200	446.593.002
	11.433.864.240	7.651.724.317

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Phải thu lãi chậm thanh toán - Ông Nguyễn Xuân Hòa	808.849.315	-	721.808.219	-
Ông Vũ Minh Hoàng (a)	7.550.000.000	(1.887.500.000)	7.550.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng nhân viên	544.000.000	(540.000.000)	544.000.000	(540.000.000)
Thuế GTGT chưa kê khai	95.454.526	-	127.272.732	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	410.000.000	-	60.000.000	-
Bà Từ Thị Hồng Thanh (b)	45.000.000.000	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(45.000.000.000)
Các khoản phải thu khác	1.048.628.514	-	100.705.126	-
	55.454.932.355	(47.427.500.000)	54.103.786.077	(45.540.000.000)

- (a) Đây là khoản phải thu về chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty Cổ phần HB Pharma với ông Bùi Ngọc Mỹ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 78/2024/HĐCNCP/TGG-BNM ký ngày 01 tháng 12 năm 2024. Tổng số cổ phần chuyển nhượng là 755.000 cổ phần tương đương 7.550.000.000 VND (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Ngày 15 tháng 07 năm 2025, Công ty Mẹ đã ký Biên bản thỏa thuận ba bên giữa Công ty Mẹ, ông Bùi Ngọc Mỹ và ông Vũ Minh Hoàng về việc ông Vũ Minh Hoàng sẽ thanh toán toàn bộ số tiền mua lại cổ phần cho Công ty Mẹ do giữa ông Bùi Ngọc Mỹ và ông Vũ Minh Hoàng đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 492/2025/HĐCNCP/TGG.BNM ngày 15 tháng 07 năm 2025 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty Cổ phần HB Pharma cho ông Vũ Minh Hoàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty Mẹ chưa thu được số tiền chuyển nhượng này.
- (b) Đây là khoản tiền Công ty Mẹ đã trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại 7.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Golden Paddy với giá trị 75.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10 tháng 09 năm 2021. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã hoàn thành chuyển nhượng cho Công ty Mẹ 3.000.000 cổ phần, tương ứng giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 VND. Số tiền Công ty Mẹ đã trả trước còn lại là 45.000.000.000 VND, tương ứng với 4.500.000 cổ phần mà Bà Từ Thị Hồng Thanh chưa có quyền sở hữu nên chưa thể chuyển nhượng cho Công ty Mẹ. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Mẹ chưa liên hệ được với Bà Từ Thị Hồng Thanh để thu hồi số tiền này.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	786.000.000	-	821.000.000	-
Ký quỹ liên quan Hợp đồng cho thuê tài chính	-	-	350.000.000	-
Thuế GTGT liên quan Hợp đồng cho thuê tài chính	-	-	31.818.160	-
	786.000.000	-	1.202.818.160	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5.6 Nợ xấu**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng - bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	296.315.467	(296.315.467)	296.315.467	(296.315.467)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	782.832.255	(782.832.255)	782.832.255	(782.832.255)
Phải thu khách hàng các tổ chức, cá nhân khác				
Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Lương thực Angimex	278.228.739	(278.228.739)	278.228.739	(278.228.739)
Công ty TNHH Lương thực Angimex (nay là: Công ty Cổ phần Lương thực Angimex)	113.898.960	(113.898.960)	113.898.960	(113.898.960)
Khoản nợ khó đòi mua từ Công ty Cổ phần Sametel	2.042.852.987	(2.042.852.987)	2.042.852.987	(2.042.852.987)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Akisei	32.400.000	(32.400.000)	32.400.000	(32.400.000)
Các khách hàng khác	1.302.097.245	(1.250.956.845)	1.209.902.245	(1.153.843.748)
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao Công nghệ Hà Nội	550.000.001	(550.000.001)	550.000.001	(550.000.001)
Chi nhánh Công ty ACC Xi nghiệp Tư vấn Thiết kế và Xây dựng ACC	430.000.000	(430.000.000)	430.000.000	(430.000.000)
Các người bán khác	298.653.002	(298.653.002)	298.653.002	(298.653.002)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Công ty Cổ phần HB Pharma – Bên liên quan	563.861.919	(366.868.602)	556.721.095	(305.589.040)
Công ty Cổ phần Louis Holdings	65.000.000	(65.000.000)	65.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác – bên liên quan				
Ông Vũ Minh Hoàng	7.550.000.000	(1.887.500.000)	7.550.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác - các tổ chức, cá nhân khác				
Bà Từ Thị Hồng Thanh	45.000.000.000	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(45.000.000.000)
Bà Lê Thị Minh Quân	540.000.000	(540.000.000)	540.000.000	(540.000.000)
	59.846.140.575	(53.935.506.858)	59.746.804.751	(51.824.614.199)

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa (*)	53.625.767.543	(2.788.069.262)	55.798.160.202	(2.539.383.737)
	53.625.767.543	(2.788.069.262)	55.798.160.202	(2.539.383.737)

Một số hàng hóa của Tập đoàn được đem thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng (xem Thuyết minh mục 5.20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

- (*) Trong sổ dư hàng hóa của Tập đoàn tại ngày 30/06/2026, bao gồm sổ dư hàng hóa của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) (gọi tắt là "Louis AMC") là các loại máy móc thiết bị mà Công ty con này mua thanh lý từ Công ty Cổ phần Louis Holdings để bán lại cho các đối tác tiềm năng. Toàn bộ sổ dư hàng hóa này tại ngày 30/06/2026 với giá trị là 12.272.727.273 VND được gửi tại Nhà máy của Công ty Cổ phần Louis Holdings (tại ngày 31/12/2025 với giá trị là 12.272.727.273 VND). Tại ngày 30/06/2026, Louis AMC không thể thực hiện kiểm kê hàng tồn kho cũng như không xác nhận được số hàng tồn kho này đang được nắm giữ tại Công ty Cổ phần Louis Holdings.

5.8 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí thuê mặt bằng	699.501.112	547.250.000
Chi phí chờ phân bổ khác	324.021.794	138.361.753
	1.023.522.906	685.611.753

5.8.2 Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	11.082.251.067	11.255.411.241
Chi phí chờ phân bổ khác	140.376.488	93.214.470
	11.222.627.555	11.348.625.711

- (*) Đây là khoản chi phí trả trước về việc thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5 (S1-S3) HĐCTMB-SME-HG ngày 20 tháng 06 năm 2016 giữa Công ty Mẹ và Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia. Tổng diện tích thuê là 582 m², thời hạn cho thuê từ tháng 06 năm 2016 đến hết tháng 06 năm 2058, tổng giá trị tiền thuê cố định theo hợp đồng là 16.000.000.000 VND.

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại 01/01/2026	26.985.666.163	14.231.057.920	850.023.115	2.605.244.476	44.671.991.674
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.179.319.499	-	-	-	1.179.319.499
Giảm khác	(300.706.640)	-	-	(38.116.064)	(338.822.704)
Tại 30/06/2026	27.864.279.022	14.231.057.920	850.023.115	2.567.128.412	45.512.488.469
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2026	11.436.220.997	8.179.818.994	644.826.372	2.080.269.217	22.341.135.580
Khấu hao trong kỳ	1.843.476.762	920.824.062	30.830.892	218.131.836	3.013.263.552
Giảm khác	(300.706.640)	-	-	(38.116.064)	(338.822.704)
Tại 30/06/2026	12.978.991.119	9.100.643.056	675.657.264	2.260.284.989	25.015.576.428
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2026	15.549.445.166	6.051.238.926	205.196.743	524.975.259	22.330.856.094
Tại 30/06/2026	14.885.287.903	5.130.414.864	174.365.851	306.843.423	20.496.912.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại 01/01/2026	1.850.160.685	-	356.728.815	418.793.728	2.625.683.228
Tại 30/06/2026	1.549.454.045	-	356.728.815	380.677.664	2.286.860.524

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 đang thể chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng là 4.258.254.411 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 4.752.252.660 VND) (xem thuyết minh 5.20).

5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chínhMáy móc thiết bị
VND

Nguyên giá	
Tại 01/01/2026	10.333.861.356
Tại 30/06/2026	10.333.861.356
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại 01/01/2026	7.750.396.035
Khấu hao trong kỳ	1.033.386.138
Tại 30/06/2026	8.783.782.173
Giá trị còn lại	
Tại 01/01/2026	2.583.465.321
Tại 30/06/2026	1.550.079.183

5.11 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại 01/01/2026	60.382.713.193	670.130.000	61.052.843.193
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại 30/06/2026	60.382.713.193	670.130.000	61.052.843.193
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2026	-	620.550.490	620.550.490
Khấu hao trong kỳ	-	18.211.878	18.211.878
Tại 30/06/2026	-	638.762.368	638.762.368
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2026	60.382.713.193	49.579.510	60.432.292.703
Tại 30/06/2026	60.382.713.193	31.367.632	60.414.080.825

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:

Tại 01/01/2026	-	43.065.000	43.065.000
Tại 30/06/2026	-	513.292.000	513.292.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 đang thể chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng là 60.382.713.193 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 60.382.713.193 VND) (xem thuyết minh 5.20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2026	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tài sản cố định	Kết chuyển giảm khác	30/06/2026
	VND	VND	VND		VND
Mua sắm tài sản cố định	-	268.000.000	-		268.000.000
Xây dựng cơ bản		811.472.105	(811.472.105)	(4.166.667)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	376.714.061	(376.714.061)	(4.700.000)	-
	-	1.456.186.166	(1.188.186.166)	(8.866.667)	268.000.000

5.13 Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại VND
Nguyên giá	
Tại 01/01/2026	23.710.115.909
Tăng trong kỳ	-
Tại 30/06/2026	23.710.115.909
Phân bổ lũy kế	
Tại 01/01/2026	7.472.207.724
Phân bổ trong kỳ	1.181.281.024
Tại 30/06/2026	8.653.488.748
Giá trị còn lại	
Tại 01/01/2026	16.237.908.185
Tại 30/06/2026	15.056.627.161

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	87.556.054	87.556.054
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	-	1.855.763.953
Phải trả người bán khác		
Chi nhánh Công ty TNHH Honda Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	4.104.301.432	4.090.308.090
Công ty TNHH Thương mại Trọng Thị	53.880.000	53.880.000
Các nhà cung cấp khác	37.255.179	37.499.760
	4.282.992.665	6.125.007.857

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Dược phẩm Pegasus	20.000.000	20.000.000
Các khách hàng khác	-	352.041.320
	20.000.000	372.041.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5.16 Thuế và các khoản (phải thu), phải nộp Nhà nước**

	01/01/2026		Phát sinh trong kỳ		30/06/2026	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp / Chuyển khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	224.596.713	-	2.349.330.491	(2.573.927.204)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(2.931.520.483)	-	-	-	(2.931.520.483)
Thuế thu nhập cá nhân	17.046.666	(3.477.628)	113.787.053	(194.150.043)	13.846.666	(80.640.618)
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
	241.643.379	(2.934.998.111)	2.467.117.544	(2.772.077.247)	13.846.666	(3.012.161.101)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là không chịu thuế, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(321.986.835)	(4.272.469.782)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.594.141.368	2.639.072.469
Các khoản điều chỉnh giảm	18.278.081	(136.299.656)
Thu nhập chịu thuế	1.290.432.614	(1.769.696.969)
Lỗi các năm trước được chuyển	(5.861.776.769)	(1.334.225.564)
Thu nhập tính thuế	(4.571.344.155)	(3.103.922.533)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty Mẹ và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất thông thường là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(671.974.732)	245.192.909

Các loại thuế khác

Công ty Mẹ và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay	1.582.192	3.164.383
Chi phí thuê văn phòng	740.000.000	360.000.000
Các chi phí phải trả khác	-	184.937.350
	741.582.192	548.101.733

5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, dài hạn**5.18.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
Chênh lệch giá bán và thuê lại tài sản cao hơn giá trị hợp lý của tài sản cố định	177.048.666	236.064.898
Cho thuê sản thương mại	31.818.182	31.818.182
Cho thuê kho	102.000.000	108.000.000
	310.866.848	375.883.080

5.18.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
Chênh lệch giá bán và thuê lại tài sản cao hơn giá trị hợp lý của tài sản cố định	-	59.016.218
	-	59.016.218

5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	725.855.600	796.168.600
Bà Võ Trịnh Ngân Giang – Tiền mượn	150.000.000	150.000.000
Các khoản phải trả khác	586.454.920	624.191.639
	1.462.310.520	1.570.360.239

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	432.900.000	402.900.000
	432.900.000	402.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn****5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang (a)	64.362.718.018	64.362.718.018	68.462.718.018	68.462.718.018
Nợ thuê tài chính đến hạn trả				
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.049.999.830	1.049.999.830	1.400.000.040	1.400.000.040
	65.412.717.848	65.412.717.848	69.862.718.058	69.862.718.058

- (a) Đây là khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con) với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang, mục đích khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Thời hạn vay là 12 tháng. Các khoản vay này được bảo đảm bằng việc cầm cố tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các tài sản cố định vô hình, hàng hoá, thế chấp nợ phải thu của Công ty con này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2026 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	68.462.718.018	125.658.584.012	-	(129.758.584.012)	64.362.718.018
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.400.000.040	-	349.999.810	(700.000.020)	1.049.999.830
	69.862.718.058	125.658.584.012	349.999.810	(130.458.584.032)	65.412.717.848

5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (b)	1.049.999.830	1.049.999.830	1.749.999.850	1.749.999.850
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(1.049.999.830)	(1.049.999.830)	(1.400.000.040)	(1.400.000.040)
	-	-	349.999.810	349.999.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

- (b) Đây là khoản thuê tài chính dài hạn giữa Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 17/2022/CN.MN-CTTC (hợp đồng không hủy ngang) ngày 31 tháng 03 năm 2022. Giá trị tài sản cho thuê là 11.367.247.492 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không quá ngày 30/06/2022 là 7%.

Định kỳ, lãi suất cho thuê điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh trong từng thời kỳ. Thời hạn cho thuê là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ.

Mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/ phương án thuê tài chính của Công ty con. Địa điểm sử dụng tài sản thuê tài chính được đặt tại Nhà xưởng của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng ở Lô BII-1, BII-3, BII-5, BII-7 Khu Công nghiệp Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Hợp đồng không có tài sản đảm bảo, nhưng được Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) cam kết bảo lãnh thanh toán không hủy ngang cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2026	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Nợ thuê tài chính dài hạn	349.999.810	(349.999.810)	-	-
	349.999.810	(349.999.810)	-	-

5.21 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2026	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	608.773.364	-	-	608.773.364
Quỹ phúc lợi	722.273.364	-	-	722.273.364
	1.331.046.728	-	-	1.331.046.728

5.22 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	16.171.196.073	16.843.170.805
	16.171.196.073	16.843.170.805

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5.23 Vốn chủ sở hữu****5.23.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2025	272.999.900.000	2.889.093.455	(146.916.614.728)	49.432.170.918	178.404.549.645
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(3.709.352.091)	(808.310.600)	(4.517.662.691)
Tại 30/06/2025	272.999.900.000	2.889.093.455	(150.625.966.819)	48.623.860.318	173.886.886.954
Tại 01/07/2025	272.999.900.000	2.889.093.455	(150.625.966.819)	48.623.860.318	173.886.886.954
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(5.097.565.382)	(1.358.319.848)	(6.455.885.230)
Tại 31/12/2025	272.999.900.000	2.889.093.455	(155.723.532.201)	47.265.540.470	167.431.001.724
Tại 01/01/2026	272.999.900.000	2.889.093.455	(155.723.532.201)	47.265.540.470	167.431.001.724
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(1.706.825.231)	2.056.813.128	349.987.897
Tại 30/06/2026	272.999.900.000	2.889.093.455	(157.430.357.432)	49.322.353.598	167.780.989.621

5.23.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty Mẹ là 272.999.900.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	30/06/2026			01/01/2026		
	Số cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Ông Ngô Quang Tuấn	2.900.000	29.000.000.000	10,62	2.900.000	29.000.000.000	10,62
Bà Đào Thị Thơm	1.301.000	13.010.000.000	4,77	1.301.000	13.010.000.000	4,77
Các cổ đông khác	23.098.990	230.989.900.000	84,61	23.098.990	230.989.900.000	84,61
	27.299.990	272.999.900.000	100,00	27.299.990	272.999.900.000	100,00

5.23.3 Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.299.990	27.299.990
Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa	170.105.814.425	204.778.721.978
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.723.653.099	5.189.093.877
Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	1.080.000.000	1.080.000.000
Doanh thu khác	186.162.084	-
Các khoản giảm trừ:		
- Hàng bán bị trả lại	(1.382.120)	(150.918.834)
Doanh thu thuần	177.094.247.488	210.896.897.021

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá vốn hàng bán của hàng hóa	146.167.496.101	189.819.195.812
Giá vốn cho thuê sản thương mại	387.616.724	173.160.174
Giá vốn dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị	1.759.657.779	1.873.050.048
(Hoàn nhập) / Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	248.685.525	10.113.054
	148.563.456.129	191.875.519.088

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	695.313.286	336.879.797
Lãi cho vay	29.455.893	26.778.081
Lãi chậm thanh toán	357.041.096	357.041.096
	1.081.810.275	720.698.974

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí lãi vay	2.494.003.526	2.768.788.836
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác - nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	126.279.562	-
	2.620.283.088	2.768.788.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***6.5 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	12.490.102.892	8.921.040.634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	476.882.152	794.723.863
Chi phí thuê kho, mặt bằng, văn phòng	914.016.888	1.470.443.110
Chi phí khuyến mãi hỗ trợ khách hàng	100.745.940	637.205.307
Chi phí vận chuyển	315.436.670	505.611.000
Chi phí bán hàng khác	2.148.963.073	1.958.075.621
	16.446.147.615	14.287.099.535

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.192.617.851	2.627.605.337
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	40.881.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.711.141.730	1.451.793.088
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	9.000.000
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.181.281.024	1.181.281.024
Trích lập/ (Hoàn nhập) chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.984.613.097	161.886.539
Chi phí dịch vụ	346.773.259	1.357.833.602
Chi phí thuê mặt bằng	1.213.190.000	1.500.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.801.950.707	1.112.231.567
	11.435.567.668	9.442.513.133

6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi từ thanh lý nhượng bán tài sản	-	1.909.090.909
Thu nhập từ hỗ trợ nhà phân phối	381.129.906	227.476.496
Thu nhập từ phí hoa hồng	261.229.389	273.380.392
Thu nhập khác	2.868.778	4.258.702
	645.228.073	2.414.206.499

6.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Các khoản phạt	59.540.090	65.001.340
Chi phí khác	-	1.650.000
	59.540.090	66.651.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty Mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

		Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty Mẹ	VND	(1.706.825.231)	(3.709.352.091)
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	(1.706.825.231)	(3.709.352.091)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	CP	27.299.990	27.299.990
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	(63)	(136)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.682.720.743	11.548.645.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.064.861.568	4.234.799.449
Chi phí trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng	1.984.613.097	(96.435.560)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.013.325.071	3.482.810.521
Chi phí khác	3.954.913.780	3.120.189.164
	26.700.434.259	22.290.009.545

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty Mẹ như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Lương và các khoản thu nhập		
Ông Lý Thanh Nhã	127.733.866	395.801.598
Ông Võ Kim Nguyễn	372.885.742	355.922.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Trong kỳ, Tập đoàn có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	Cung cấp dịch vụ	-	327.235.505
	Lãi cho vay	22.315.069	26.778.081
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Mua hàng hóa	760.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Pomax	Cho vay	12.000.000.000	-
	Thu hồi tiền cho vay	3.700.000.000	-
	Lãi cho vay	296.400.000	-
Công ty Cổ phần HB Pharma	Lãi cho vay	7.140.824	-
	Chi hộ	-	1.158.000
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Lãi chậm thanh toán	357.041.096	357.041.096
Ông Nguyễn Kiên Giang	Tạm ứng	300.000.000	-
	Hoàn ứng	300.000.000	-
Số dư với các bên liên quan:		30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ông Vũ Minh Hoàng	Phải thu ngắn hạn khác	7.550.000.000	7.550.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.000.000.000	8.000.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác	808.849.315	721.808.219
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	296.315.467	296.315.467
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	782.832.255	782.832.255
	Phải trả người bán ngắn hạn	-	1.855.763.953
Công ty Cổ phần HB Pharma	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - cho vay ngắn hạn	723.861.919	716.721.095
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - cho vay ngắn hạn	533.657.535	511.342.466
	Phải trả người bán ngắn hạn	87.556.054	87.556.054
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Pomax	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - cho vay ngắn hạn	90.000.000	3.721.275.000
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - cho vay dài hạn	12.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***7.2 Thông tin bộ phận****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ, cho thuê VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.736.808.133	-	2.357.439.355	178.094.247.488
Giá vốn bộ phận	(146.416.181.626)	-	(2.147.274.503)	(148.563.456.129)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.320.626.507	-	210.164.852	29.530.791.359
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(28.881.715.283)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				649.076.076
Doanh thu hoạt động tài chính				1.081.810.275
Chi phí tài chính				(2.620.283.088)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(18.278.081)
Thu nhập khác				645.228.073
Chi phí khác				(59.540.090)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				671.974.732
Lợi nhuận sau thuế TNDN				349.987.897

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ, cho thuê VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	209.762.701.218	-	1.134.195.803	210.896.897.021
Giá vốn bộ phận	(189.829.308.866)	-	(2.046.210.222)	(191.875.519.088)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.933.392.352	-	(912.014.419)	19.021.377.933
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(23.729.612.668)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(4.708.234.735)
Doanh thu hoạt động tài chính				720.698.974
Chi phí tài chính				(2.768.788.836)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				136.299.656
Thu nhập khác				2.414.206.499
Chi phí khác				(66.651.340)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(245.192.909)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				(4.517.662.691)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, vì hoạt động đều diễn ra khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

7.3 Nợ tiềm tàng

Vào ngày 22 tháng 01 năm 2024, Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng ("Ladophar") gửi Công văn số 06/CV-LDP/2024 yêu cầu Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) (gọi tắt "Louis AMC") thanh toán chi phí sửa chữa và bảo dưỡng lớn năm 2022 và năm 2023 cho các tài sản mà Ladophar đang thuê hoạt động từ Louis AMC với tổng số tiền là 483.325.000 VND bằng hình thức cân trừ công nợ.

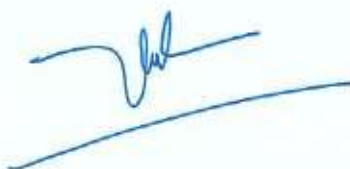
Đồng thời, Ladophar cũng thông báo đến Louis AMC việc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quý 1/2024 cho 11 máy trà, máy sấy vi sóng chân không và vi sóng băng tải dự kiến tổng chi phí là 282.631.000 VND.

Theo Công văn số 2501/2024/CV-AMC ngày 25 tháng 01 năm 2024, Louis AMC đã phản hồi không đồng ý việc thanh toán chi phí sửa chữa và bảo dưỡng năm 2022 và 2023, bên cạnh đó Louis AMC chưa thống nhất được chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hai bên chưa có văn bản thỏa thuận thống nhất cuối cùng về việc Louis AMC có nghĩa vụ thanh toán khoản chi phí nêu trên hay không.

Ngoài ra, không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà Tập đoàn không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

7.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



TRẦN THỊ THANH LOAN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



VÕ KIM NGUYỄN
Phó Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền
Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026